***Thứ tư ngày 18 tháng 10 năm 2023***

**TOÁN**

**-33+34-**

**BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết: Cách giải bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ.

+ Các thành tố cơ bản của tiến trình suy nghĩ giải bài toán.

+ Cách trình bày bài giải Bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ.

**2. Năng lực, phẩm chất:**

- Phát triển 3 năng lực chung và năng lực đặc thù Toán học: Năng lực giải quyết vấn đề Toán học ; năng lực giao tiếp Toán học ; năng lực sử dụng công cụ và phương tiện Toán học.

- Phát triển phẩm chất chăm chỉ, đồng thời giáo dục HS tình yêu với Toán học, tích cực, hăng hái tham gia các nhiệm vụ học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**-** Lap top; màn hình máy chiếu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG DẠY** |
| **I. KHỞI ĐỘNG**  - Yêu cầu HS khởi động thông qua hoạt động ***“ Lời mời chơi ”***  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  **II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  1. Yêu cầu HS ôn lại tiến trình suy nghĩ giải bài toán có lời văn:  2. GV giới thiệu thao tác mới trong tiến trình giải bài toán có lời văn, đó là viết bài giải của bài toán, cụ thể:  + Viết câu lời giải.  + Viết phép tính.  + Viết đáp số.  - Yêu cầu HS đọc thầm bài toán.  - Các em thảo luận nhóm  - GV hướng dẫn HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.  **II. LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH**  **\* Bài 1**  - HS đọc đề bài  - HS làm bài  - Lưu ý đây là dạng bài toán liên quan đến ý nghĩa “ thêm ” của phép cộng, còn bài 1 là dạng bài toán liên quan đến ý nghĩa “ gộp ” của phép cộng.  - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.  - GV nêu yêu cầu.  VD: Em có 8 quyển vở. Mẹ mua thêm cho em 5 quyển vở nữa. Hỏi em có tất cả bao nhiêu quyển vở ?  **\* Bài 2**  - Yêu cầu HS đọc thầm bài toán.  - Các em thảo luận nhóm  - Tóm lại ta có:  - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.  **\* Bài 3**  - Lưu ý đây là dạng bài toán liên quan đến ý nghĩa “ bớt ” của phép trừ.  - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.  - GV nêu yêu cầu.  VD: Nga có 12 que tính. Nga cho bạn mượn 5 que tính. Hỏi Nga còn lại mấy que tính ?  **III. CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm những tình huống có liên quan đến phép cộng, phép trừ trong thực tế để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - Khởi động thông qua hoạt động ***“ Lời mời chơi ”.*** Chẳng hạn: HS A mời bạn nêu một tình huống có sử dụng phép cộng; HS B nêu một tình huống: “ Em có 3 cái kẹo, mẹ cho em thêm 2 cái kẹo nữa. Em có tất cả 5 cái kẹo.  - HS ôn lại tiến trình suy nghĩ giải bài toán có lời văn:  - Đọc bài toán, nói cho bạn nghe: bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?  - Suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.  Mẫu: Bài giải  Hai bạn có tất cả số bông hoa là:  5 + 4 = 9 ( bông )  Đáp số: 9 bông hoa  - HS đọc bài toán.  - HS thảo luận nhóm - nói cho bạn nghe: bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?  - HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra rồi nói câu trả lời.  - HS chọn số và phép tính thích hợp cho các ô ( ? ) đặt trong phần phép tính giải; chọn số thích hợp cho ô ( ? ) đặt trong phần Đáp số.  - Tóm lại, ta có:  Câu lời giải: Hai bạn có tất cả số chiếc bút màu là:  Phép tính giải: 10 + 9 = 19 ( chiếc )  Đáp số : 19 chiếc bút chì màu  Câu lời giải: Trong phòng đó có tất cả số bộ máy tính là:  Phép tính giải: 9 + 3 = 12 ( bộ )  Đáp số: 12 bộ máy tính  - HS tự nêu một bài toán trong thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ.  Mẫu: Bài giải  Trong hộp còn lại số bút chì màu là:  10 - 3 = 7 ( chiếc )  Đáp số: 7 chiếc bút chì màu  - HS đọc thầm bài toán.  - HS suy nghĩ giải bài toán theo tiến trình giải bài toán có lời văn đã thống nhất.  - HS chọn số và phép tính thích hợp cho các ô ( ? ) đặt trong phần phép tính giải; chọn số thích hợp cho ô ( ? ) đặt trong phần Đáp số.  - Câu lời giải: Nam còn lại số quyển truyện là:  Phép tính giải: 16 – 5 = 11 ( quyển)  Đáp số: 11 quyển truyện  Câu lời giải: Trên sân bay còn lại số chiếc máy bay là:  Phép tính giải: 11- 2 = 9(chiếc)  Đáp số: 9 chiếc máy bay  - HS tự nêu một bài toán trong thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ.  - HS suy nghĩ trả lời. |

***\*Điều chỉnh sau bài dạy:***

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................